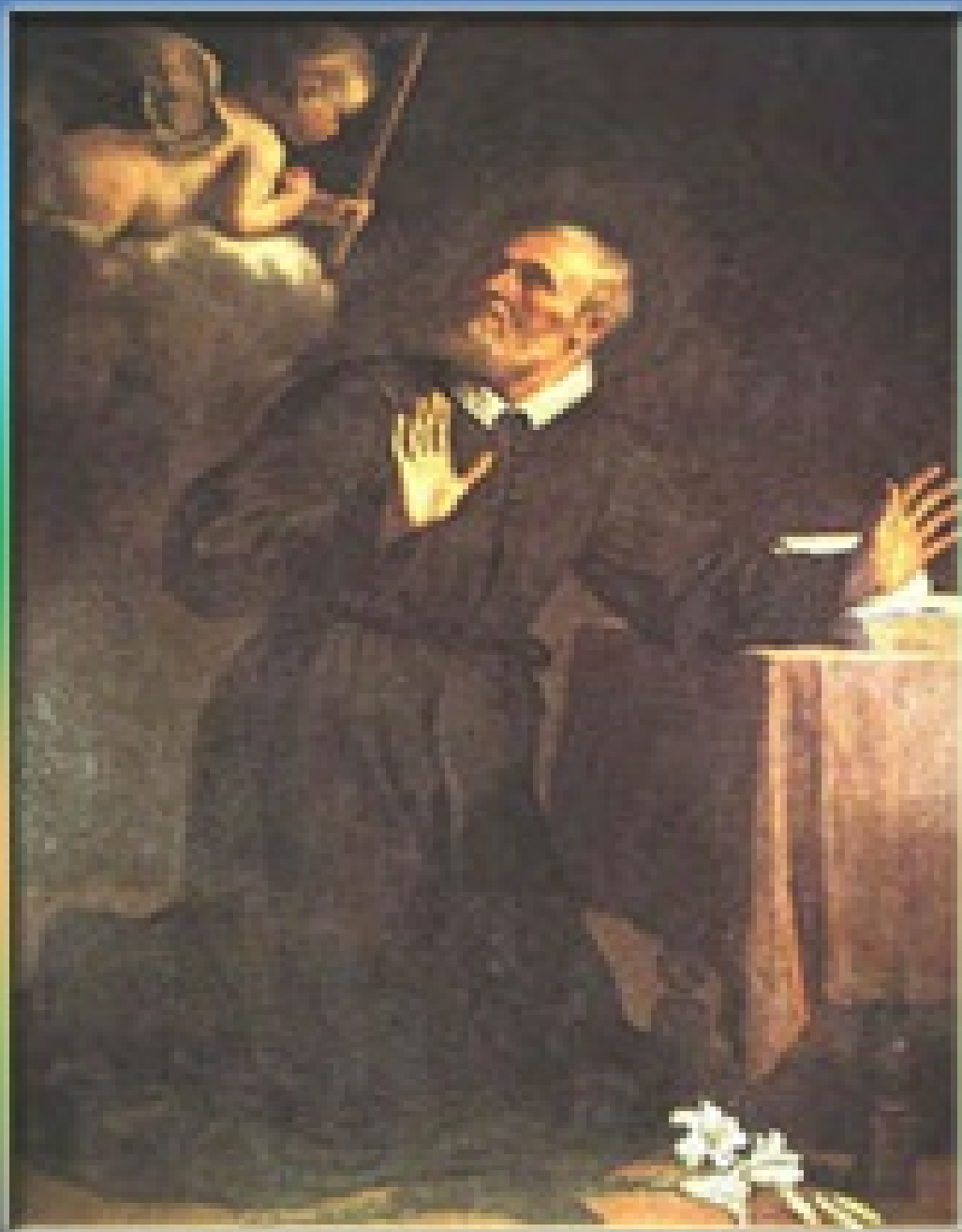


THEO VẾT CHÂN NGƯỜI



HẠNH TÍCH CÁC THÁNH

Tháng 5

TỦ SÁCH CÔNG GIÁO

THEO VẾT CHÂN NGƯỜI

HẠNH TÍCH CÁC THÁNH

THÁNG 5

Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com>

Xin đừng sử dụng làm thương mại dưới mọi hình thức.

MỤC LỤC

[Thánh Giuse Thợ](#) 2

[Thánh Athanasiô, Giám mục, Tiến sĩ Hội Thánh \(295 – 373\)](#) 3

[Thánh Giacôbê Hậu & Thánh Philipphê, Tông Đồ \(Thế kỷ thứ I\)](#) 4

[Thánh Matthia, Tông Đồ \(Thế kỷ I\)](#) 6

[Thánh Gioan I, Giáo Hoàng, Tử Đạo \(+526\)](#) 6

[Thánh Bernadinô Sienna, Linh Mục \(1380 – 1444\)](#) 7

[Thánh Bernadinô Sienna, Linh Mục, Tiến sĩ Hội Thánh \(673 – 735\)](#) 8

[Thánh Grêgoriô VII, Giáo Hoàng \(1028 – 1085\)](#) 9

[Thánh Mađalêna Pazzi \(1566 – 1607\)](#) 10

[Thánh Philipphê Nêri, Linh Mục \(1515 – 1595\)](#) 12

[Thánh Augustinô Cantobery, Giám Mục \(+605\)](#) 14

[Đức Mẹ Thăm Viếng](#) 14

Thánh Giuse Thợ

Ngày 01-05

Thánh Giuse. Cả hai bản của thánh Mathêu và thánh Luca, đều nói rằng: Ngài thuộc giòng họ David. Nhưng vào thời khởi đầu công nguyên, miêu duệ cùng giòng giống vương giả này chẳng còn danh giá và giàu có gì. Vài điều chúng ta biết được về thánh Giuse qua việc dâng Chúa Giêsu vào đền thờ (Lc 2,24), cho biết rằng Ngài là một người nghèo khó, không có đặc quyền nào. Gia đình Ngài vốn thuộc về Belem đất Giudêa, nhưng đã dời về Nazareth đất Galilea nơi Ngài sinh sống bằng nghề thợ mộc (Mt 13,55).

Con người bình thường được nhắc tới với một chút khinh thường như “bác thợ mộc” ấy lại là gương mẫu cho mọi Kitô hữu và cách riêng cho những Kitô hữu sống nghề lao động tay chân. Ngài thật là người công chính như một dụng cụ nhẫn nại của Thiên Chúa, thực hiện mọi điều Chúa đòi hỏi với một đức tin không nghi nan. Ngài sốt sắng tuân giữ luật Do thái, trung thành bảo vệ gia đình, Ngài có trách nhiệm, chấp nhận mọi khó khăn mau mắn vâng theo lệnh truyền, vững chí dưới cơn thử thách, luôn lặng lẽ đáng kính phục. Nhân tính hấp dẫn của Chúa Kitô với tính cương trực, lòng can đảm và đức bác ái sâu xa, chắc chắn đã được phát triển theo gương mẫu và sự nuôi dưỡng Người nhận được từ Thánh cả Giuse.

Dầu vậy, sự cao cả của thánh nhân ở một mức độ sâu xa hơn từ ngữ vẫn áp dụng cho Người là “Cha nuôi Chúa Giêsu”. Từ ngữ này gợi lên một liên hệ bóng gió nào đó với Chúa Kitô. Đúng hơn có lẽ phải nói rằng thánh Giuse là Cha của Chúa Giêsu như các sách Tin Mừng đã là ngần ngại nói như vậy, Chúa Giêsu thực là hoa quả của cuộc hôn nhân mà thánh Giuse giữ vai trò thiết yếu. Nếu tình phụ tử của Ngài là trinh khiết thì không phải vì thế mà mối tình ấy thấp hèn hơn tình phụ tử về thể xác. Liên hệ của người cha trinh khiết với Chúa Giêsu cũng tương tự như mối liên hệ của Người Mẹ Trinh khiết đối với Người. Cả Đức Mẹ và thánh Giuse đều góp phần hoàn hảo của mình vào mầu nhiệm nhập thể. Phần đóng góp này còn mở rộng tới thân thể mầu nhiệm của Ngôi Lời hoá thành nhục thể là Giáo hội. Thánh Giuse vẫn tiếp tục vai trò của mình trong việc nuôi dưỡng bảo vệ và hướng dẫn Giáo hội.

Bởi đó năm 1870, Đức Giáo Hoàng Piô IX tuyên xưng thánh Giuse là Đấng bảo trợ của cả Hội Thánh khắp hoàn cầu. Và đặt lễ kính vào ngày 19 tháng 3 mỗi năm.

Từ vai trò đặc biệt của thánh Giuse đối với toàn thể Hội Thánh, thánh nhân chắc chắn cũng liên hệ đến từng người trong thân thể mầu nhiệm này. Thánh nhân đã thi hành sứ mạng của mình trong cuộc sống lao động như người thợ. Do đó, Ngài có một mối liên hệ đặc biệt với lớp người đông đảo sống bằng sức lao động chân tay của mình. Năm 1955, Đức Piô XII đã lập nên lễ thánh Giuse và đặt ngày kính nhớ vào mùng 1 tháng 5, ngày mà nhiều nước chọn cử hành lễ lao động. Niên biểu không hoàn toàn phổ quát nên lễ thánh Giuse Thợ cũng được để tự do.

Tuy nhiên, chính Đức Giáo Hoàng đã nói tới ý nghĩa của lễ này: – “Chắc hẳn chúng ta phải hân hoan vì Người thợ vô danh ở Nazareth chẳng những là hiện thân cho giá trị lao động tay chân trước mặt Chúa và Giáo hội mà còn là vị Giám hộ mãi tiếp của mọi người và của các gia đình các bạn lao động nữa”.

Để nói về quyền năng của Đấng bảo trợ, Ngài tiếp: – “Không có Vị Giám hộ nào có đủ khả năng Linh nghiệm truyền thông Phúc âm cho đời sống thợ thuyền hơn bằng thánh Giuse thợ”

Mừng lễ thánh Giuse thợ, chúng ta hãy nhớ lời vị Cha chung, Đức Piô XII nhắn nhủ, trong bài diễn văn đọc vào ngày lễ thánh Giuse thợ đầu tiên này: – “Nếu các con muốn được gần Chúa Kitô, Cha nhắc nhớ các con hôm nay: Ite ad Joseph – Hãy đến với Giuse” (St 41,55)

Thánh Athanasiô, Giám mục, Tiên sĩ Hội Thánh (295 – 373)

Ngày 02-05

Thánh Athanasiô sinh khoảng năm 295 có lẽ tại Alexandria. Gia đình Ngài rõ ràng là khá giả vì sau này Ngài có dịp trốn ở phần mộ của gia đình, Ngài đã theo môn cổ học và sau này thường trích dẫn các tác giả cổ. Có lẽ Ngài cùng theo học tại một trường Giáo lý ở Caêsarêa nên tư tưởng của Ngài thấm nhuần Kinh thánh, cả những chú giải Kinh thánh và cũng theo truyền thống các giáo phụ nữa.

Vào khoảng 25 tuổi Athanasiô đã có một thời sống với thánh Antôn ẩn tu. Bốn mươi năm sau, Ngài đã mời thánh An tôn ẩn tu về Alexandria để góp phần bảo vệ đức tin. Khi qua đời thánh ẩn tu đã nhường lại cho Athanasiô cái áo choàng Ngài vẫn dùng đắp mình khi ngủ và tắm da chiên để dùng sưởi ấm lúc tuổi già. Những năm chung sống nơi sa mạc với vị thánh ẩn tu này đã tạo nên nét thánh thiện và nhân cách của Athanasiô.

Vào năm 320, Athanasiô mới bắt đầu góp phần vào lịch sử. Khi ấy Đức Cha Alexander Giám mục Alexandria cảm phục và triệu vời Athanasiô từ sa mạc về, đặt làm phó tế. Khi ấy Ariô là cha sở Boucalis. Ông ta là một nhà giảng thuyết danh tiếng, có một cuộc sống khắc khổ và hướng dẫn các trinh nữ hiến mình cho Thiên Chúa. Ariô đã sáng nghĩ và rao giảng những ý tưởng lầm lạc cho rằng: “Ngôi Lời Thiên Chúa không có từ đời đời, không cùng bản tính với Chúa Cha mà chỉ là một thụ tạo được mang danh hiệu Con Thiên Chúa”. Athanasiô đã bảo bỏ những sai lầm này. Bút pháp và nội dung của bức thông điệp Đức Giám mục Alexander ban hành năm 322 cho thấy tác giả chính là Athanasiô.

Tại công đồng Nicea, thánh Athanassiô tháp tùng Đức Giám mục Alexander và đã góp phần vào bản văn chung quyết của cộng đồng, trong đó định tín rằng: Chúa Con đồng bản tính với Chúa Cha. Ngài đã trở thành mục tiêu cho bọn lạc giáo ghen ghét.

Mùa hạ năm 328, Đức Giám mục Alexander qua đời và đặt Athanasiô lên kế vị. Nhận thấy mình bất xứng, Athanasiô đã bỏ trốn, nhưng rồi bị ép buộc lãnh nhận trách nhiệm. Ngài đã tỏ ra có nhân cách khôn sánh, có ý chí bất khuất

và rất thông minh. Rảo quanh khắp giáo phận rộng lớn, Ngài gặp thánh Dachômiô từ trong sa mạc, là Đấng đã nghe Chúa nói với mình rằng:

– Ta đã đặt Athanasiô làm cột trụ Giáo hội, nhưng Ngài sẽ bị đau khổ nhiều.

Nhưng Athanasiô không sợ đau khổ. Nhiều lần Ngài đã bị trục xuất khỏi giáo phận. Trước hết, dưới ảnh hưởng của những người theo phái Ariô, năm 335 thánh Athanasiô bị vua Constantinô đày đi Trier ở biên thùy nước Đức. Tại đây Ngài trước tác một số tác phẩm nay vẫn còn danh tiếng.

Nhưng rồi nămsau. Ariô chết cách khốn khổ. Vua Constantinô cho thánh nhân được trở về giáo phận, Ngài chỉ trở lại hai năm sau tức năm 337 khi thấy nhà vua mới Constance ngả về phía lạc giáo. Cuộc trở về của thánh nhân diễn ra như một cuộc khai hoàn. Tuy nhiên từ năm 337 đến năm 366, cuộc đời Ngài là một cuộc chiến đấu liên tục với nhóm người ngả theo Ariô có, bảo thủ có, buông thả để an phận có. Chính hoàng đế cũng muốn can thiệp để sửa đổi giáo thuyết Hội Thánh khiến các thù địch tỏ ra độc ác và tìm cách tiêu diệt vị giám mục. Lần kia đang lúc thánh Athanasiô dâng lễ, bọn lính xâm nhập thánh đường. Thánh nhân trốn thoát được và ẩn mình trong sa mạc. Sợ những người chứa chấp bị liên lụy Ngài ẩn mình trong một hang đá. Và không ngừng trung thành với đức tin chân chính.

Hoàng đế Constance qua đời, Juliano người sẽ mang biệt danh là kẻ bội giáo, lên kế vị và cho phép những kẻ lưu đày trở về. Đức Giám mục Athanasiô trở lại giáo phận và thiết lập trật tự trong giáo đoàn cũng như lo truyền bá đức tin sang Ethiopie và Ả Rập.

Ngài chống lại các mê tín dị đoan khiến các lương dân tức giận. Họ quyết sát hại thánh nhân. Lần này, Ngài lại phải chạy trốn theo lệnh của nhà vua, bội giáo chèo thuyền dọc sông Nil, Ngài bị quân lính đuổi theo sát nút. Nguy ngập Ngài quay thuyền lại để gặp họ. Bọn lính hung hăng hỏi thăm xem còn cách vị giám mục bao xa. Ngài trả lời:

– Chèo mạnh lên, ông không ở xa đâu.

Bọn lính vội vã làm theo và thánh nhân thoát nạn, Ngài lang thang đây đó cho tới khi Vua Julianô qua đời, vào năm sau. Jovianô, vị tân hoàng đế rất kính phục đức giám mục và thích đàm luận với Ngài. Nhưng triều đại của

ông lại quá vắng vẻ. Khi Valens lên nắm quyền cai trị, lại một cuộc bách hại mới mở ra. Một lần nữa thánh Athanasiô lại phải trốn đi. Trong bốn tháng liền, Ngài ẩn mình trong phần mộ của gia đình.

Sau cùng Valens vì hiểu được lòng kính phục của dân Ai cập đối với vị giám mục của họ, và không muốn xa rời dân chúng nên chịu cho Ngài trở về. Những năm cuối đời, thánh nhân được sống trong yên ổn phần nào, bởi vì lúc ấy cuộc tranh chấp thực sự chưa ngã ngũ, Ngài qua đời ngày 02 tháng 5 năm 373. Phải đợi năm năm sau, cuộc tranh luận của cộng đồng Nicêa mới toàn thắng với cái chết của Valens.

Thánh Athanasiô đã viết những tác phẩm vĩ đại nhất trong 30 năm xáo trộn. Cuốn *Uncarnatione Verbi* hoàn thành năm 337, cuốn *Virginitate* và *Orationes* khoảng năm 357, cuốn *Contra Arianô* có thể sau năm 362. Ngài đã viết rất nhiều và mọi tư tưởng Ngài cũng như cuộc sống Ngài tập trung vào hai ý niệm: Chúa Con là sự bày tỏ của Chúa Cha, và Giáo hội là sự bày tỏ của Chúa Con. Giáo hội Tây phương kính nhớ Ngài như thánh tiến sĩ Chúa Ba Ngôi, nhưng trước hết, Ngài là Thánh Tiến sĩ về mâu nhiệm nhập thể và về Ở thánh.

Thánh Giacôbê Hậu & Thánh Philipphê, Tông Đồ (Thế kỷ thứ I)

Ngày 03-05

Giáo hội tôn kính hai vị tông đồ này trong cùng một ngày, vì vào thế kỷ thứ V, xác các thánh được đưa về Rôma với nhau và đặt ở đền thờ các thánh tông đồ. Ngày dời xác các Ngài là ngày 01 tháng 5. Nhưng vì trùng với lễ thánh Giuse thợ, lễ kính các Ngài được dời vào ngày 03 tháng 5.

Thánh Giacôbê Hậu

Chỉ có một chỉ dẫn Tân ước cung ứng cho chúng ta về vị tông đồ thứ hai mang tên Giacôbê: Ngài “là con ông Alphêô” (Mt 10,3 – Mc 3,18 – Lc 6,15 – Cv 1,13). Vậy không đáng ngạc nhiên gì, khi có nhiều cố gắng đồng hóa Ngài với một hay nhiều người cùng mang tên là Giacôbê ở trong Tân ước. Có Giacôbê “người anh em của Chúa” (Cl 1,19).

Có lẽ Ngài đã được thấy Chúa Giêsu phục sinh hiện ra (1Cr 15,7) và chắc hẳn Ngài là thủ lãnh Giáo hội Giêrusalem (Cv 12,17 – 15,13 – 21,18). Sau cùng, người được đồng hoá với người anh em của Chúa được nhắc đến trong Phúc âm (Mt 13,55 – Mc 6,3). Đó là ý kiến của thánh Hiêrônimô và được chấp nhận lại đời, nhưng các học giả ngày nay muốn phân biệt hai người khác nhau và Phúc âm chỉ giản dị ghi lại tên Ngài.

Dẫu cho các sách Phúc âm không nói nhiều tới thánh nhân nhưng Ngài đã giữ được một địa vị sáng giá trong Giáo hội sơ khai, thánh Phêrô khi được cứu thoát khỏi tù đã nói: – “Hãy đem tin cho Giacôbê và các anh em được biết” (Cv 12,17)

Khi tiếp xúc với các tông đồ, thánh Phaolô đã đến gặp Giacôbê. Sau này thánh Phaolô nói: – “Giacôbê, Kêpha (Phêrô) và Gioan, những vị có thế giá như cột trụ ấy đã bắt tay tôi và Barnaba tỏ dấu thông hiệp” (Ga 2,9)

Tại công đồng Giêrusalem, Giacôbê đã lên tiếng sau Phêrô, tóm kết diễn từ về việc rao giảng Phúc âm cho dân ngoại (Cv 15,13-31). Lần sau cùng về Giêrusalem, thánh Phaolô đã đến gặp thánh Giacôbê đang họp với hàng niên trưởng (Cv 21,18)

Để diễn tả sự thánh thiện của Giacôbê, thánh Eusêbiô và Hiêrônimô đã nói rằng: thánh nhân giữ mình đồng trinh suốt đời và con người hiến mình cho Thiên Chúa nay không uống rượu, kiêng thịt, đi chân không và chỉ có một chiếc áo. Quì cầu nguyện nhiều, đầu gối Ngài chai cứng như da lạc đà.

Năm 62, các luật sĩ lo lắng vì sự rạn rỡ Giacôbê mang lại cho Kitô giáo. Họ triệu vờ thánh nhân đến ở trước ông nghị để tra vấn xem Ngài nghĩ gì về Chúa Kitô. Trên sân thượng ngoài đền thờ, họ bắt thánh nhân công khai nói lời bội giáo cho dân nghe, Ngài nói:

– Chúa Giêsu là con người đang ngự bên hữu Thiên Chúa quyền năng và đến một ngày kia sẽ đến trên mây trời.

Dân chúng đồng loạt lên tiếng tôn vinh Chúa Giêsu trong khi các luật sĩ và biệt phái xông vào thánh nhân. Họ đã quyết định ném đá Ngài.

Thánh Philipphê

Thánh Philipphê là người Bethsaida (Ga 1,44). Trên đường đi Galilêa, Chúa Giêsu đã gọi ông. Đến lượt mình chính Philipphê lại giới thiệu Chúa Giêsu cho Nathanael: – “Đấng mà Môisê trong lề luật cùng các tiên tri chép đến chúng tôi đã gặp rồi” (Ga 1,45)

Và ông còn khích lệ thêm: – “Hãy đến mà xem” (Ga 1,46)

Khi hóa bánh ra nhiều Chúa Giêsu đã tin tưởng và ông hỏi: – “Ta mua đâu được bánh cho họ ăn” (Ga 6,5)

Như vậy Chúa Giêsu đã hiệp với ông trước hết trong việc chuẩn bị cho phép lạ này.

Dịp lễ vượt qua sau cùng Chúa Giêsu, các lương dân đã nhờ Philipphê xin Chúa cho họ được gặp Người: – “Thưa ông, chúng tôi muốn gặp Chúa Giêsu” (Ga 12,21)

Sau cùng, trong cuộc đàm đạo thân mật sau bữa Tiệc Ly, Philipphê lên tiếng hỏi Chúa Giêsu: – “Thưa Thầy, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, thế là đủ cho chúng con rồi”.

Chúa Giêsu nói với ông: – “Đã lâu rồi, Ta ở với các ngươi, thế mà, Philipphê, ngươi đã không biết Ta ư? Ai thấy ta là đã thấy Cha. Làm sao ngươi nói: Xin tỏ cho chúng con thấy Cha (Ga 14,8-9)

Các tông đồ chỉ hiểu được chiều kích rộng lớn của những lời này khi Chúa Thánh Thần soi sáng cho các ông.

Đó là tất cả những gì mà sách Tin Mừng nói với chúng ta về thánh tông đồ Philipphê. Sau này truyền thống cho chúng ta biết thánh Philipphê đã đi rao giảng Phúc âm ở Scythia và Phrygia. Nhưng rất có thể người ta đã lầm thánh nhân với vị phó tế cũng có tên là Philipphê. Về cái chết của Ngài, không có gì là chắc chắn. Có tài liệu nói rằng: Ngài tử vì đạo. Có tài liệu lại cho rằng: Ngài chết già.

Thánh Matthia, Tông Đồ (Thế kỷ I)

Ngày 14-05

Tài liệu duy nhất đáng kể về thánh Mathia là tường thuật của sách Công vụ các tông đồ (Cv 1,15-26). Theo điều kiện mà thánh Phêrô đưa ra để chọn người thế chân cho Giuda trong nhóm 12. Chúng ta biết thánh Mathia là một trong số các môn đệ của Chúa Giêsu. Ngài đã theo Chúa Giêsu “Khởi từ lúc Gioan thanh tẩy cho đến ngày Chúa Giêsu về trời” (c. 22).

Khi Chúa Giêsu đã về trời, các tông đồ vâng lệnh Chúa trở về Giêruslem cầu nguyện chờ đón Chúa Thánh Thần đến. Họ gặp nhau lại khoảng 120 người. Lúc ấy Phêrô lên tiếng nhắc lại sự Giuda phản bội và kết luận: – “Phải chọn lấy thêm một người để cùng chúng tôi làm chứng tá cho sự sống lại của Chúa Giêsu”.

Cộng đoàn đã đề cử hai người xem ra xứng đáng nhất, với vinh dự này là Giuse, gọi là Barsabba biệt danh là Giustô và Mathia. Thế rồi họ cầu nguyện và bắt thăm chọn người Chúa muốn. Matthia đã trúng cử và nhập vào nhóm 12.

Vị tân tông đồ, sau khi đón nhận Chúa Thánh Thần, đã ra đi rao giảng Phúc âm và hiến phần còn lại cho việc tông đồ, thánh Clementê, thánh Alexandria kể lại rằng: các giáo huấn của thánh Matthia tập chú vào nhu cầu phải hy sinh hãm dẹp xác thịt và những ước muốn lãng loạn. Đó là bài học quan trọng Ngài đã lãnh nhận từ Chúa Giêsu và đem ra thực hành.

Nhiều sứ giả cho rằng thánh Matthia đi từ Giudea tới tận Ethiopie rao giảng và làm cho vô số người trở lại đạo. Sau ba mươi năm bị bách hại, nỗ lực và thành công, Ngài bị ném đá và bị chặt đầu dưới thời Nerô vào năm 63.

Theo dân Hy Lạp, thánh Matthia đã mang Kitô giáo đến miền Cappadôcia rồi bị đóng đinh vào thập giá ở Côlehis. Xác Ngài được đưa về Giêrusalem và sau này thánh nữ Héléna, Mẹ Vua Constantinô dời về Roma. Một phần các xương thánh vẫn còn ở đền thờ Đức Bà cả nơi thánh nhân đã làm nhiều phép lạ.

Thánh Gioan I, Giáo Hoàng, Tử Đạo (+526)

Ngày 18-05

Thánh Gioan sinh tại Tuscia. Ngài được chọn làm giám mục Rôma ngày 13 tháng 8 năm 523. Người ta không biết gì về đời thơ ấu của thánh nhân, nhưng từ ngày lên kế vị thánh Pherô Ngài đã nhiệt thành sống khẩu hiệu “tất cả vì danh Chúa”. Ngài đã có công hoàn thành nhạc bình ca mà các vị tiền nhiệm của Ngài là Đức Celestinô I, Leo Cả và Galesiô khởi xướng.

Năm 624, vua Justinô I bên Tiểu Á muốn hiệp nhất Giáo hội cũng như nhằm mục đích chính trị đã đàn áp nhóm theo lạc giáo Ariô. Tại Roma vua Theodoricô là người theo lạc giáo Ariô đã tức giận bắt đức giáo hoàng Gioan dẫn đầu phái đoàn đi thương thuyết. Sau nhiều lần phản đối, Ngài đã chấp nhận lên đường. Đây là lần đầu tiên có một vị giáo hoàng rời khỏi nước Ý. Vua Justinô và toàn dân Constantinopole hân hoan vui mừng đón tiếp Đức Giáo hoàng. Ngài đã cử hành lễ phục sinh tại thánh đường thánh nữ Sôphia và phong vương cho vua Justinô.

Trở lại Rôma, Ngài bị vua Thêđoricô cho là đã hành động phản nghịch với mình. Tức giận, ông tính xử tử Ngài, nhưng lại sợ dân chúng nổi loạn, nên bắt giam Ngài tại Ravenna. Tại đây đức giáo hoàng đã từ trần ngày 18 tháng 5 năm 526.

Ngày 27 tháng 5 năm 530 xác Ngài được dời về Roma. Niên lịch phụng vụ cử kính nhớ Ngài vào ngày này,

Thánh Bernadinô Sienna, Linh Mục (1380 – 1444)

Ngày 20-05

Thánh Bernadinô xuất thân từ gia đình quý phái Abbizeschi thành Siêna. Ngài sinh ngày 8 tháng 9 năm 1380 tại Massa Ma-rittima, là nơi thân phụ Ngài làm thống đốc. Nhưng khi mới ba tuổi, Ngài phải mồ côi mẹ, và 6 tuổi phải mồ côi cha, Ngài được giao phó cho các bà Dì ăn sóc.

Các dì thay thế người mẹ quá cố của Bernadinô để nuôi dưỡng và săn sóc con trẻ về mọi phương diện, nhất là trong đời sống trọn lành. Từ nhỏ, Bernadinô đã có một lòng bác ái đặc biệt với người nghèo. Một lần kia, dì Biana đuổi một người ăn xin vì hết thực phẩm. Bernadinô đau đớn nài nỉ: – Vì tình yêu Chúa, ta hãy cho người này cái gì, bằng không cháu sẽ không ăn gì hôm nay, cháu thà nhịn đói còn hơn phải thấy ông ta còn đói.

Và bà dì đã vui vẻ bố thí cho người ăn xin này.

Trẻ Bernadinô rất yêu mến nhà thờ và sùng kính Đức Trinh Nữ. Mỗi thứ bảy Ngài ăn chay để kính mẹ. Hơn nữa, Ngài quyết giữ tâm hồn trong trắng như thiên thần không hề tham dự vào các trò chơi thô kệch, đỏ mặt khi nghe lời nói nhơ bẩn. Một lần có đứa vạ lại đề nghị chuyện tục tĩu, Ngài đã đấm thẳng vào mặt nó, khiến kẻ ngạc nhiên. Sau này Ngài cũng phản ứng tương tự đối với một phụ nữ lăng lơ.

Với một tâm hồn trong trắng như vậy, Bernadinô đã tỏ ra thông minh đặc biệt khi theo học ở Siêna. Năm 12 tuổi, Ngài được gởi tới Vienna để theo học văn chương và giáo luật. Năm 17 tuổi, Ngài gia nhập hội “Anh em Đức Mẹ” phục vụ bệnh nhân Scala. Bốn năm sau, xảy ra một cơn dịch hạch. Tại nhà thờ Sancta mỗi ngày có tới vài chục người chết. Ngài săn sóc họ và cũng bị nhiễm bệnh, Bernadinô say sưa tận tụy phục vụ làm cho nhiệt tâm của Ngài lan sang tâm hồn các bạn. Ngài lao mình vào giữa nguy hiểm để săn sóc bệnh nhân và chôn cất người chết. Ngài thoát chết, nhưng đã ngã bệnh hầu kiệt sức và không bao giờ hồi phục hoàn toàn.

Sáng ngày 08 tháng 9 năm 142, sau khi giúp đỡ một người Dì cả điếc lác trong một cơn bệnh cuối cùng, Bernadinô đã phân phát hết tài sản cho người

nghèo rồi gia nhập dòng thánh Phanxicô. Năm 1404, Ngài thụ phong linh mục, tiếp đến là khoảng 12 năm Ngài sống ẩn dật, nhưng sau đó là những ngày tháng đi rao giảng, không biết mệt mỏi khắp nước Ý.

Nhận biết rõ tư tưởng thần học sâu sắc của con người khiêm tốn Bernadinô, bề trên buộc Ngài phải từ bỏ nếp sống ẩn dật để đi rao giảng lời Chúa cho dân chúng. Thánh nhân có một giọng nói yếu ớt khàn khàn khó nghe. Nhưng là vì bốn phận nên Ngài chạy đến sự phù giúp của trinh nữ và tiếng Ngài trở nên mạnh mẽ trong sáng. Bài giảng đầu tiên, Bernadinô ngưng lại giữa chừng rồi lại tiếp tục không ai biết chuyện gì. Sau này thánh nhân cho biết lúc ấy Ngài bỗng thấy chị em con Dì là Tobia “mặc áo trắng bất tử mà về trời”. Nghe Bernadinô giảng nhiều tâm hồn quyết sống xứng đáng hơn.

Các linh mục hỏi Ngài cho biết bí quyết nào để rao giảng hùng hồn như vậy, Ngài trả lời:

– Hãy tìm vinh danh Chúa và lợi ích các linh hồn mà thôi, hãy thực hiện điều mình giảng cho người khác, Chúa Thánh Thần sẽ là thầy dạy sự khôn ngoan mà không ai chống lại được. Những chủ đề chính Ngài rao giảng là nhu cầu phải sám hối và phải trừ bỏ mọi vết xấu, nhất là những cuộc cãi vã về chính trị, cờ bạc “giả trá” trong việc ăn mặc và trong cách cư xử.

Ngài đề cập đến các chủ đề này một cách sống động với những giai thoại điển hình, khiến đông đảo dân chúng lắng nghe hàng giờ không biết chán, và quyết tâm hối cải. Người ta sẽ còn nhớ đến Ngài như người khởi xướng việc tôn kính thánh linh Chúa Giêsu, Đức Mẹ và thánh Giuse. Mỗi lần rao giảng, thánh nhân quen cầm tấm bảng viết tên Chúa Cứu thế “JHS” và khuyên mọi người hãy bắt chước mà vẽ tấm bảng như vậy rồi treo ở nhà tư hay ở những nơi công cộng. Bài giảng cuối cùng của thánh nhân về “thần hứng” chứng tỏ Ngài là nhà tâm lý thông hiểu đường lối thần bí và là thầy dạy có đầu óc phóng khoáng về lý thuyết cầu nguyện chiêm niệm. Thánh Bernadinô xứng đáng kế nghiệp thánh Vincentê Ferie làm vị tông đồ nước Ý.

Ngày 20 tháng 5 năm 1444, thánh nhân Bernadinô từ trần ở Aquila Abruzzi và được chôn cất tại đây. Các phép lạ xảy ra ngay tại mồ Ngài đã khiến đức Giáo hoàng Nicôla V tôn phong Ngài lên bậc hiển thánh ngay sáu năm sau.

Thánh Bernadino Sienna, Linh Mục, Tiên sĩ Hội Thánh (673 – 735)

Ngày 25-05

Chính thánh Bêđa kể cho chúng ta biết mọi điều về cuộc đời thơ ấu của Ngài. Trong vài câu thêm vào cuốn lịch sử Giáo hội, thánh nhân sinh năm 673 hay là 674. Tên Bêđa theo từ ngữ Saxon có nghĩa là cầu nguyện. Cuộc sống của Ngài rất gương mẫu nên người ta thêm cho Ngài biệt danh Vênêrabilê có nghĩa là khả kính. Lên bảy tuổi Ngài bị mồ côi cha mẹ và được giao phó cho tu viện trưởng Bênedictô Biscop săn sóc giáo dục. Lúc 18 tuổi Ngài được thụ phong chức phó tế và năm 702 hay 703 tức là lúc 29 tuổi Ngài được thụ phong linh mục.

Cuộc sống của Ngài trong tu viện rất cực nhọc. Chúng ta có thể tóm lược cuộc sống ấy bằng chính lời Ngài: – “Tôi đã sống trọn đời nỗ lực học hỏi kinh thánh và trong khi tuân thủ luật dòng cũng như bốn phận hàng ngày và hát thánh ca tại nhà thờ, tôi sung sướng được học hành, dạy dỗ và viết lách”.

Đây quả là tổng hợp chính xác trọn cuộc sống của thánh Bêđa, Ngài rất ít rời bỏ nhà dòng. Chúng ta chỉ nghe biết có hai chuyến du hành của Ngài. Một lần Ngài đi thu tập tài liệu về đời thánh Cuthbert, Ngài ở lại Lindisfanne và từ đó đến viếng Farne Islanol để khảo sát những di tích trong căn phòng của vị thánh. Một lần khác, Ngài đến York để thăm Đức tổng giám mục Egbert, và để quan sát các trường học nổi tiếng ở đó.

Dạy học, thánh Bêđa tỏ ra là một bậc thầy lỗi lạc. Ngài không quan tâm suy tư và ao ước được nổi bật. Tài năng của Ngài là cố gắng không cùng để tự đào luyện mình rồi truyền thông không phải chỉ có những gì mình đã học mà còn cả cảm thức về giá trị của điều đã được hiểu biết, đặt tầm quan trọng của việc giảng dạy. Tuy nhiên chúng ta không thể nói nhiều về điểm này. Nhưng các sách đủ loại Ngài viết đều là kiểu mẫu trong việc trưng dẫn các tài liệu. Chính cách trình bày cẩn thận và điều độ và gắng để được chính xác và đúng đắn làm cho các sách ấy có thể giá. Các tác phẩm của thánh Bêđa có thể xếp thành ba loại. Các bút tích về thần học của Ngài chính yếu gồm những phần dẫn giải thánh kinh của một thầy dạy phần lớn dựa trên các sách giáo phụ Tây phương. Dầu thiếu sự độc sáng trong cách trình bày, nhưng những dẫn giải của thánh Bêđa ngày nay còn là phương tiện tốt đẹp nhất để hiểu về các

giáo phụ.

Các tác phẩm về khoa học của Ngài một phần là những giải thích cổ truyền về các hiện tượng tự nhiên, một phần bàn về niên lịch và cách tính của Đông phương. Cách tính niên lịch của Ngài kể từ thời Chúa Giêsu Giáng sinh đã được Kitô giáo Tây phương chấp nhận rộng rãi hơn cả.

Các tác phẩm về lịch sử của thánh nhân có lẽ ngày nay được nhớ tới nhiều hơn hết. Cuốn “Lịch sử Giáo hội của dân Anh” là một trong những tác phẩm quan trọng nhất về lịch sử về thời đầu Trung cổ. Ngài đã viết cách khách quan và phê phán cách quân bình, dựa trên những tài liệu và nhân chứng đáng tin cậy, Ngài cũng viết một tiểu sử về các tu viện ở Wearmonth và thơ văn về cuộc đời thánh Cuthbert.

Kể từ năm 679, Ngài ở hai tu viện Wearmonth và Jarrow, chăm chú thi hành bốn phận thuộc đời sống tu trì và vẫn không ngừng viết lách và dạy học. Lời kinh ở cuối cuốn “Lịch sử Giáo hội” trình bày lý tưởng của Ngài: – “Lạy Chúa Giêsu nhân từ, con khẩn cầu Chúa, khi đã cho con được vui hưởng những lời khôn ngoan của Chúa thì xin Chúa cho con một ngày kia được đến gần bên thánh nhan Chúa”.

Đương thời, không ai nghi ngờ sự thánh thiện của thánh nhân, nhưng Ngài đã không làm một phép lạ, không được một thị kiến và không mở ra một đường lối tu đức mới mẻ nào. Mùa hè năm 735 vào tuổi 63, sức khỏe suy giảm, Ngài còn bị đau khổ bị bệnh suyễn. Dầu vậy, Ngài vẫn làm việc đến giây phút cuối cùng, đọc cho thầy thơ ký hoàn tất cuốn sách Chú giải Phúc âm thánh Gioan và 48 giờ cuối cùng trên giường bệnh. Đúng ngày lễ Thăng thiên 27 tháng 5 năm 735, thánh Beda từ trần.

Thánh Grêgoriô VII, Giáo Hoàng (1028 – 1085)

Ngày 25-05

Thánh Gregoriô hay là Hildebrand theo tên rửa tội, sinh khoảng năm 1028. Gia đình Ngài không thuộc dòng tộc quý phái và có thuộc gốc Do thái. Thấy con mình thông minh lại hiếu học, thân phụ thánh nhân gửi Ngài tới thụ huấn với người chú là Tu viện trưởng Đức Bà Maria ở Aventin, Hildebrand đã trở thành một tu sĩ dòng Bê-nê-dictô.

Tuy nhiên khả năng đặc biệt của Ngài đã sớm kéo Ngài ra khỏi hàng rào tu viện để phục vụ tại giáo triều. Khi đắc cử giáo hoàng, trên đường về nhận chức, Đức Leo IX ghé qua Cluny và dẫn theo thầy dòng trẻ tuổi Hildebrand để làm cố vấn cho mình. Đức giáo hoàng đã trao cho Ngài điều khiển tu viện thánh Phaolô và đặt làm hồng y. Đức giáo hoàng Leo IX là vị tiên khởi trong cuộc cải cách Grêgoriô, danh hiệu dựa vào khuôn mặt sáng giá nhất cuộc cải cách này, nhưng chính đức Leo là người khởi xướng.

Kể từ việc đề cử của Đức Leo IX Hildebrand đã có ảnh hưởng lớn lao trong nhiều triều đại liên tiếp. Khi được cử làm đặc sứ tại Pháp Đức Hồng y Hildebrand, đã chống lại nhiều tập tục xấu. Trong hội đồng họp ở Tour, Ngài đã buộc Berenger từ bỏ những lầm lạc của mình. Thế là chính Ngài đã giữ phần quyết định trong cuộc tranh luận về bí tích Thánh Thể giữa Lanfranc và Berenger. Ngài ủng hộ giáo thuyết về sự biến thể của Lanfranc nhưng cũng giảm bớt sức đối kháng để trình bày cách mâu thuẫn hơn.

Dưới ảnh hưởng của Đức hồng y Hildebrand, chức giáo hoàng ngày càng nghịch với hoàng đế hơn. Một liên minh hình thành với nhiều nhà cai trị ở miền nam nước Ý chống lại các Hoàng đế nhà Hohenstanen. Đức giáo hoàng nâng đỡ phong trào quần chúng chống lại hoàng đế ở Milanô nhưng tâm điểm đường lối chính trị của tòa thánh được diễn tả trong việc chọn lựa Đức Giáo hoàng, dành riêng cho hồng y đoàn. Nói cách khác, ảnh hưởng của hoàng đế bị rút lại, nếu không nói là bị hủy bỏ. Năm 1073 dưới ảnh hưởng đã trở nên lớn mạnh, Đức Hồng y Hildebrand đắc cử giáo hoàng với hiệu Gregoriô VII.

Tình hình Giáo hội lúc này thật đáng buồn với nhiều thảm trạng đang diễn ra. Dích thân giáo hoàng thấy rõ những điều đó, sống khắc khổ như một thầy

dòng, Ngài đã sáng ngời như mặt trời chiếu dải vào ngôi nhà Giáo hội. Đây uy quyền trong lời nói và việc làm, Ngài đã nỗ lực tái lập kỷ lục truyền bá đức tin, diệt trừ các lỗi lầm. Nhất là Ngài được chống lại hoàng đế Henri IV nước Đức. Ông hoàng này ham mê khoái lạc và tham lam, đã dám bán quyền giám mục và các chức vụ trong Giáo hội cho những người bất xứng.

Năm 1075, Đức Gregoriô VII đã tuyên bố phạt mọi người ở bất cứ địa vị nào dám dùng tiền để mua bán chức thánh. Với tình phụ tử, Ngài cảnh cáo hoàng đế Henri IV và các lạm quyền của ông. Tức giận ông bắt cóc Đức Giáo hoàng đang khi Ngài làm lễ và giam ngục. Nhưng rồi dưới áp lực của dân Roma, ông phải thả Ngài ra. Đức giáo hoàng đã tha thứ cho ông. Tuy nhiên nhà vua vẫn ngoan cố. Năm 1076, ông triệu tập một số giám mục rồi đặt Gribert de Ravenna làm giáo hoàng. Đức Gregoriô VII liền ra và tuyệt thông Henri IV. Hối hận và sợ các quan bắt phục, Henri IV lo giữ ngôi bằng cách đến Canossa làm việc đền tội.

Ngày 28 tháng giêng năm 1077, Đức giáo hoàng giải vạ cho ông.

Một thời gian sau Henri IV lại trở mặt, ông cầm quân sang Roma để bắt Đức Giáo hoàng. Nhưng Đức Gregoriô đã kịp thời rút lui về Sôlerna và qua đời tại đây năm 1085. Trước khi qua đời Ngài đã nói:

– Ta yêu mến điều công chính và chê ghét sự gian tà nên mới phải chết ở chôn lưu đày này.

Người ta đã nói tới cuộc cải cách thời Gregoriô. Phải nhận định rằng ý tưởng của Ngài rất cao thượng, Ngài quan niệm hàng giáo sĩ được đặt ra ngoài mọi người khác bởi phép truyền chức thánh làm thành một cộng đoàn siêu nhiên ấn định bởi quyền ban bí tích và được cai quản bởi đấng kế vị thánh Phêrô. Họ phải sống xứng đáng với phận vụ thiêng liêng, Ngài nhiệt hành ủng hộ luật độc thân của giáo sĩ và chống lại mọi thứ buôn thần bán thánh.

Ngài cũng nỗ lực diệt trừ mọi can thiệp vào việc chọn giám mục, nhất là sự can thiệp của hoàng đế. Dầu không thành công trong việc này, nhưng chắc chắn đã làm thay đổi thái độ của mọi người đối với Giáo hội.

Sau khi đã từ trần, lý tưởng canh tân Giáo hội của Ngài mới rõ rệt hơn, sắc bén hơn và tiến gần tới hiện thực hơn.

Thánh Madalena Pazzi (1566 – 1607)

Ngày 25-05

Thánh Maria Madalena Pazzi sinh năm 1566 tại Florence. Khi rửa tội Ngài được đặt tên là Catarina. Ngay từ nhỏ, Ngài đã ham thích cầu nguyện và làm việc lành. Muốn cho Ngài vui thích, cứ việc đọc cho Ngài nghe truyện các thánh hay là dẫn Ngài tới nhà thờ.

Lên 7 tuổi lòng thương người của Ngài đã tiến xa tới độ nhịn ăn để giúp đỡ người nghèo. Có dịp về miền quê, niềm vui chính của Ngài là tập hợp trẻ em lại để dạy giáo lý cho chúng. Một lần kia, khi mới bắt đầu dạy đạo cho một em bé con một nông dân, thì Ngài phải báo cho biết là phải trở về Florence. Ngài đã buồn rầu đến độ không cầm được nước mắt, Cha Ngài chỉ có thể an ủi Ngài bằng cách dẫn em bé ấy về để dạy cho xong.

Thánh nữ có lòng sùng kính phép Thánh thể một cách đặc biệt. Lên 10 tuổi, tức là năm 1576, Ngài được rước lễ lần đầu. Dịp này, Ngài đã khấn dâng mình trọn vẹn cho Chúa. Năm 13 tuổi Ngài còn tự ý làm một mào gai để đội đầu mỗi khi đi ngủ để cảm thông với cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu Kitô.

Đến 16 tuổi, Catarina đã ao ước được gia nhập dòng Carmêlô. Sau một thời gian lưỡng lự, cuối cùng cha mẹ Ngài đã chấp nhận, Catarina vào dòng ngày 14 tháng 8 năm 1582 và ngày 30 tháng giêng năm 1583, được mặc áo dòng với danh hiệu Maria Madalena. Cuộc đời Ngài là một phép lạ liên tục. Một cơn bệnh xâu xé Ngài. Có nữ tu hỏi thánh nữ xem bí mật nào đã giúp Ngài nhẫn nại chịu đựng như vậy, chỉ vào cây thánh giá Ngài trả lời:

– Hãy xem điều Chúa Giêsu đã làm để cứu chuộc tôi. Những ai nhớ tới những đau khổ của Chúa Giêsu và dâng những đau khổ của mình lên Thiên Chúa, họ chỉ còn thấy êm ái đối với những gì mình phải chịu mà thôi.

Đau đớn vì bệnh hoạn, thánh nữ lại hay xuất thần. Những yếu tố ấy đều góp phần xây dựng đời sống thánh thiện của Ngài. Dù suốt năm năm liền kể từ tháng 6 năm 1585, Ngài đã phải trải qua một cuộc thử thách dữ dội, Thiên Chúa cho Ngài thấy sự dữ đang diễn ra trong Giáo hội, những xúc phạm do hàng giáo sĩ và do các giám mục gây nên. Các tu sĩ trong cộng đoàn vấp

phạm vì những khuyến cáo Ngài trình lên Đức giáo hoàng và các đức giám mục để thực hiện cuộc canh tân. Sự nghi ngờ của họ trở thành sự khinh bỉ, khi thánh nữ chịu cơn thử thách khủng khiếp này, là thấy mình bị Thiên Chúa bỏ rơi. Thêm vào đó, Ngài còn bị cám dỗ trở nên kiêu căng thất vọng.

Dẫu vậy, ý chí của Ngài bám chặt vào Chúa không ngơi, Ngài chỉ còn biết rên rỉ:

– Tôi không hiểu mình có còn trí khôn nữa không. Tôi không thấy mình còn có gì đáng kể ngoài một chút thiện chí là không bao giờ dám xúc phạm đến Thiên Chúa.

Nhưng nhìn lên thánh giá Ngài thêm phấn khởi:

– Đừng chết, nhưng chớ gì được chịu đau khổ mãi.

Bị cám dỗ quá, Ngài gieo mình vào bụi gai, bình thường Ngài hãm mình kinh khủng và thường mặc áo nhặm.

Năm năm bão tố trôi qua nhằm lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống trong khi hát kinh tạ ơn, Maria Madalena đã bỗng xuất thần và thưa với bề trên trong niềm vui mừng:

– Bão tố qua rồi, xin hãy giúp con cảm tạ Chúa tạo thành khả ái.

Từ đây Ngài chỉ còn ước muốn vô cùng là được làm việc để tôn vinh Chúa và mưu ích cho các linh hồn. Ngài luôn tìm kết hiệp với thánh ý Chúa. Thánh Thần đọc cho Ngài những ý tưởng thâm sâu và hai chị thơ ký đã ghi thành một pho sách được các người nhân đức và thông thái ở Ý chuẩn nhận.

Với nhiệt tình, Ngài đã nguyện hy sinh không muốn biết đến một sự dịu ngọt nào nữa. Khi làm phó bề trên, Ngài bị tật bệnh dày vò lại còn mất ơn an ủi, cha linh hướng tìm cách an ủi, nhưng Ngài nói:

– Không, đó không phải là thứ an ủi con tìm kiếm. Con chỉ ước mong được đau khổ đến lúc cuối đời. Khi sắp từ trần thánh nữ nói:

– Tôi sắp từ già mà không hiểu tại sao một thụ tạo lại quyết tâm phạm tội chống lại Chúa tạo thành được.

Với các nữ tu vây quanh, Ngài nói những lời sau cùng:

– Tôi sắp từ giã các chị để đi vào vĩnh cửu, tôi xin các chị như là một ân huệ cuối cùng là chỉ yêu mến một mình Chúa, đặt trọn niềm hy vọng nơi Ngài và chịu đựng tất cả vì tình yêu Ngài.

Thánh nữ từ trần ngày 25 tháng 5 năm 1607. Thân xác Ngài vẫn còn nguyên vẹn cho tới ngày nay.

Thánh Philipphê Nêri, Linh Mục (1515 – 1595)

Ngày 26-05

Thánh Philipphê Nêri sinh năm 1515 tại Florence. Bị mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, nhưng Philipphê có một bà Di nhất mực yêu thương. Ngược lại Philipphê cũng rất vui tươi và ngoan ngoãn đang cho mọi người yêu thích. Ngài hấp thụ được đức tin sâu xa nơi cha mẹ và các cha dòng Damiani ở tu viện thánh Marcô.

Năm 1533 Ngài đến sống với người cậu ở gần Naples để tập nghề kinh doanh. Ông cậu không có con thừa tự nên muốn dành gia tài cho Philipphê, nhưng thánh nhân thấy mình không có ơn gọi để sống cuộc đời như vậy. Và Ngài đi bộ về Roma, không tính toán cũng không có đồ dùng chi, Philipphê sẽ sống và chết tại Roma.

Một người đồng hương ở Roma cho Philipphê một căn phòng với điều kiện là dành ít thời gian dạy dỗ cho con cái họ. Thánh nhân đã sống đời cầu nguyện và học hành trong cô tịch, ngày ăn một bữa với bánh mì, nước và trái ôliu, ngủ trên sàn nhà. Trong khi theo môn triết học và thần học, Ngài vẫn tìm cách lôi kéo bạn bè vào nếp sống đạo đức, lo cải hoá người khác. Như vậy chính thánh nhân cũng bị cám dỗ và phải cố gắng để tự chủ, Ngài tăng thêm lời cầu nguyện và các việc hy sinh hãm mình.

Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống năm 1544, trong khi cầu nguyện, Ngài thấy một vật gì như trái banh bằng lửa xoáy vào trong tim gây nên một cơn bệnh và một vết thương xung lên đầu không đau đớn gì. Trong cuộc khám nghiệm sau khi chết người ta thấy hai xương sườn phía trên bị gãy và tạo ra một khoảng rộng lớn hơn.

Sau nhiều năm, Ngài bán hết sách vở và bắt đầu lo cho linh hồn người khác hơn là cho mình. Ngài hòa mình với các bạn trẻ ở các ngã tư, các cửa tiệm và các bờ sông, dùng đến sức thu hút tự nhiên lẫn siêu nhiên để dẫn họ về đường ngay.

Hòa mình vào nhóm các nhà giảng thuyết, Philipphê đã gây được nhiều ảnh hưởng nơi các giáo dân lẫn lương dân. Người ta cho rằng: Ngài làm nhiều

phép lạ. Tuy nhiên, thánh nhân rất khiêm tốn và không dám nhận chức linh mục. Cuối cùng theo lời khuyên của cha giải tội, Ngài thụ phong linh mục năm 1551. Nhiệt tâm của Ngài thật mãnh liệt khi Ngài cử hành thánh lễ đầu tiên đến nỗi như có một luồng ánh sáng từ Ngài phát ra. Phần lớn thời gian trong ngày và cả ban đêm Ngài dành vào việc ngồi tòa giải tội. Nhận thấy có nhiều thanh niên và trẻ em biếng nhác, Ngài mở cửa không cho chúng vui tươi trò chuyện ca hát. Căn phòng ấy được mệnh danh là “Ngôi nhà của niềm vui Kitô giáo”. Mỗi chiều Ngài tổ chức buổi cầu nguyện chung cho các tín hữu. Muốn cho lời cầu nguyện khởi sắc, Ngài nhờ người bạn danh tiếng là nhạc sĩ Palestrina phổ nhạc các thánh thi. Nhà nghệ sĩ này coi Ngài như một người cha và đã qua đời trong cánh tay Ngài. Các linh mục muốn dần thân phù giúp Ngài đã họp thành một hội ái hữu và đó là tiền thân của dòng giảng thuyết.

Thánh Philipphê làm việc với một tính khí vui tươi đặc biệt. Ngày kia cộng đoàn một bạn trẻ đến báo tin cho Ngài biết hạnh phúc của mình đã được thân phụ cho theo học luật. Sau khi phác họa niềm vui hạnh phúc của mình như thế nào rồi, anh nghe hỏi:

– Học xong anh sẽ làm gì?

– Con sẽ đậu bằng tiến sĩ luật.

– Rồi sao nữa?

– Con sẽ cãi những vụ kiện quan trọng, khó khăn để thành danh tiếng.

– Rồi sao nữa?

– Con sẽ nên danh giá và giàu có thỏa lòng mong ước .

– Rồi sao nữa?

– Con sẽ sống sung sướng và hạnh phúc.

– Rồi sao nữa?

– Rồi sao nữa? sao nữa? rồi con chết.

Thánh nhân cao giọng hỏi tiếp:

– Rồi sao nữa?

Và bạn trẻ không biết trả lời ra sao nữa, nhưng câu hỏi đã lọt vào trong tâm hồn cho đến khi hiến mình trong tu viện và chết lành thánh.

Cũng với tính khôi hài này. Thánh Philipphê đã sửa dạy được nhiều nét xấu của người ta. Chẳng hạn một phụ nữ quen tật nói xấu người khác được nghe thánh nhân dạy hãy mua một con gà giết chết, rồi vừa đi vừa nhổ lông trên đường tới gặp Ngài. Chị ta ngạc nhiên làm và như vậy. Tới nơi thánh nhân dạy:

– Chị hãy trở về đường cũ và lượm hết các lông đó lại.

Người phụ nữ la lối không thể được vì gió thổi bay khắp chốn rồi. Thánh nhân mới nói:

– Những lời nói xấu vu oan cho người ta một khi ra khỏi miệng sẽ truyền từ tai này qua tai nọ. Chị có thể lấy lại được không?

Và thánh Nhân khuyên như:

– Khi muốn nói về một người nào làm khổ mình, hãy nói với Chúa mà thôi để cầu nguyện và giúp họ sửa sai.

Với những bức thư của thánh Phanxicô Xavier từ phương Đông gửi về, thánh Philipphê đã tìm cách theo Ngài để gieo vãi chính máu mình cho Chúa Kitô. Nhưng một thầy dòng khổ tu đã nói với thánh nhân:

– Dân An độ của Ngài ở tại Roma này.

Thế là thánh nhân ở lại Rôma trở thành “Tông đồ thành Rôma”.

Năm 1622 khi được phong thánh, thì Phanxicô Xavie vị “Tông đồ của dân An độ” cũng được tuyên phong với Ngài.

Năm 1575, Đức giáo hoàng Gregoriô XIII đã cho Ngài và anh em linh mục thuộc nhóm Ngài một nhà thờ. Họ tái thiết thành một nhà thờ mới và ngày

nay cũng chính là nhà mẹ ở Rôma của dòng giảng thuyết. Philipphê được đặt làm bề trên của hội dòng mới, dòng giảng thuyết. Ngài hướng dẫn anh em trong dòng sống như như các linh mục triều, không có lời khẩn nào đặc biệt, nhưng liên kết với nhau trong tình yêu thương nhau, trong một mục đích là phục vụ các linh hồn bằng việc cầu nguyện, giảng dạy và ban các phép bí tích. Ngài không đặt ra nhiều lề luật và ngày nay có tới 40 nhà dòng giảng thuyết gồm các phần tử sống theo đường lối của thánh Philipphê Nêrô.

Năm 1595, thánh Philipphê ngã bệnh. Ngày 25 tháng 5 Ngài dâng lễ và ngồi tòa như thường lệ. Nhưng sáng hôm sau Ngài bị thổ huyết, trong khi giờ tay chúc lành cho cộng đoàn và miệng lâm bảm:

– Đây là tình yêu của con, hạnh phúc của lòng con và thánh nhân đã phó mình cho tình yêu.

Thánh Augustinô Cantobery, Giám Mục (+605)

Ngày 27-05

Thánh Augustinô là tác nhân của một cơn người vĩ đại hơn chính Ngài, đức giáo hoàng Grêgôriô Cả, trừ các tu sĩ Ai Nhĩ Lan, hoạt động truyền giáo không hề được biết đến tại Giáo hội Tây Pbuong và chính Đức giáo hoàng Grêgôriô Cả làm sống lại phong trào này.

Khi làm bề trên tu viện thánh ANRÊ, Ngài đã muốn sang truyền giáo tại Anh, nhưng vì được đặc cử giáo hoàng, nên phải từ bỏ ý định. Nước Anh đã được đón nhận đức tin từ thế kỷ đầu, nhưng rồi cuộc xâm chiếm của dân Saxon vào thế kỷ V và VI đã làm cho đức tin công giáo bị phai mờ.

Dịp may đưa tới khi Ethebert, tiểu vương miền Kent phía nam nước Anh thành hôn với người vợ công giáo là công chúa Berthe và còn tiếp nhận một giám mục xứ Gaule vào triều đình. Năm 596 Đức giáo hoàng Grêgôriô sai tới Anh quốc một tu sĩ, Augustinô lên đường với 40 tu sĩ. Khi tới miền nam xứ Gaule họ bị khủng hoảng và sai Augustinô trở về Rôma xin Đức giáo hoàng gọi họ trở về. Đáp lại, Đức giáo hoàng đã đặt Augustinô làm Đan viện phụ và bắt mọi người trong nhóm phải vâng phục Ngài.

Với quyền hạn này, Augustinô vẫn còn truyền giáo tới đảo Thanet. Thoạt đầu, Ethebert được rửa tội và bàn định với Đức Giáo hoàng một dự án chuẩn bị tái lập tòa Giám mục tự Canterbury (Cantuariô) tới Lôn – Đôn (Luân Đôn) và thiết lập một giáo tỉnh khác ở York.

Theo chỉ thị của Đức Giáo hoàng, Augustinô đi Arles để thụ phong giám mục do tay Đức Tổng giám mục Vigile, đại diện tòa thánh ở xứ Gaule, nhiều biến cố dù ngăn trở những dự tính trên. Nhưng diễn tiến trong cuộc truyền giáo vẫn tiếp tục cho tới khi thánh Augustinô qua đời khoảng năm 605.

Thất bại duy nhất của thánh Augustinô khi Ngài tới nước Anh vì nỗ lực giải hoà với các Kitô hữu miền Welsh nhằm thuyết phục họ nhận cách tính ngày lễ phục sinh của Roma, sửa lại vài điều bất thường trong nghi lễ và phục quyền Ngài. Thánh Augustinô mời các vị lãnh đạo Giáo hội Welsh tới họp, nhưng lại gây cảm giác bất lợi vì Ngài đã ngồi yên khi họ tới gặp Ngài. Hình

như việc này cũng làm cho thánh Bêđa mất thiện cảm nữa.

Thánh Augustinô không phải là một nhà truyền giáo anh hùng nhất, khéo léo nhất. Nhưng Ngài đã thực hiện một công cuộc vĩ đại, là một trong số rất ít người ở Gaule và ở Ý thời đó sẵn sàng từ bỏ mọi sự để ra đi rao giảng Tin Mừng cho những miền xa xăm.

Đức Mẹ Thăm Viếng

Ngày 31-05

Mầu nhiệm Đức Mẹ đi viếng Bà thánh Isave đã được Đông phương mừng kính từ lâu đời trước. Bên Tây phương lần đầu thấy nghi lễ này trong qui chế của nhà thờ Mans năm 1247. Các tu sĩ dòng Phanxicô bắt đầu mừng lễ từ năm 1263. Khi Giáo hội bên Tây phương bị phân rẽ trầm trọng và bị thử thách nặng nề, ý tưởng của Đức giáo hoàng hướng về Đức Maria Mẹ Thiên Chúa đến thăm viếng và mang lại cho gia đình Giacaria bao nhiêu là niềm an ủi, Giáo hội cũng đang cần đến sự an bình hiệp nhất và sức mạnh. Cảm biết nhu cầu của Giáo hội và tin tưởng vào Đức Maria.

Ngày 06 tháng 4 năm 1389, Đức Urbaniô VI đã ra một sắc lệnh. Và ngày 09 tháng năm ấy, Đức Bônifaciô XI ban bố việc mừng lễ Đức Mẹ đi thăm viếng. Việc thiết lập mừng lễ phát xuất từ cuộc phân rẽ, đã được hội đồng Bale xác quyết để kỷ niệm việc Giáo hội được bình an trở lại. Đức Piô IX đã nâng lên bậc kể kính ngày 31 tháng 5 năm 1850, để kỷ niệm việc giải phóng thành Roma Gaete trở về của Ngài. Biến cố này đã xảy ra năm trước, trùng vào đúng ngày lễ Đức Mẹ đi thăm viếng.

Mừng kính mầu nhiệm Đức Mẹ đi viếng bà thánh Isave Đức Phaolô VI viết: “Lễ thăm viếng nhắc lại sự kiện Maria cưu mang Chúa Con đến thăm và giúp đỡ bà Isave, đồng thời công bố lòng nhân hậu của Thiên Chúa Cứu chuộc” (Marilis Cultus số 7).

Sự kiện Đức Mẹ đi thăm viếng bà thánh Isave đã khởi sự từ lời loan báo của sứ thần Gabriel ở trong buổi lễ truyền tin như để xác quyết về quyền năng của Thiên Chúa: “Kìa Isave trong hàng thân thích của Người cũng đã mang thai trong lúc tuổi già, cái thai này đã sáu tháng, nơi một kẻ đã từng mang tiếng là son sẻ hiếm hoi” (Lc 1,36)

Với niềm vui riêng và nhất là sự thúc đẩy của đức bác ái, Maria đã lên đường thăm viếng người bà con may mắn của mình. Thánh kinh tiếp tục kể lại cuộc thăm viếng này: “Chỗi dậy. Maria đơn đả đi lên miền sơn cước, đến một thành xứ Giudêa, bà vào nhà Giacaria và chào Isave. Và xảy ra là thoạt nghe lời Maria chào thì hài nhi nhảy mừng trong dạ mẹ”.

Tiếp theo sau là những lời trao đổi giữa Đức Maria và bà thánh Isave. Bà được Chúa Thánh Thần soi sáng cho biết ân huệ của cuộc viếng thăm này. Còn Đức Maria đã không tự kiêu vì đặc ân đã lãnh nhận, Mẹ khiêm tốn dâng lời tạ ơn Thiên Chúa với lời kinh Magnificat.

Trong thông điệp về lòng tôn sùng rất thánh Nữ Maria, Đức giáo hoàng Phaolô VI đã ghi rằng:

“Công bố lòng nhân hậu của Thiên Chúa cứu chuộc”. Thực vậy, lời kinh Magnificat của Mẹ đã là một lời công bố tuyệt hảo những hồng ân của lòng nhân hậu Chúa.

Nhưng riêng các diễn biến xảy ra việc này cũng cho thấy lòng nhân hậu của Chúa thế nào. Nghe lời Đức Maria chào, hài nhi trong lòng đã được ơn thánh hóa, được nâng lên hàng phẩm chức cao vượt các tiên tri do ơn được tiên dự vào công việc cứu chuộc. Con trẻ đã nhận biết Đấng đến thăm mình và bày tỏ bằng sự nhậy mừng, tình yêu và niềm kính trọng đối với sự hiện diện của Thiên Chúa.

Ngoài ra Mẹ Maria đã được Chúa dùng làm dụng cụ chuyển thông ơn phúc của Thiên Chúa, như muốn chỉ cho chúng ta thấy rằng mẹ thực sự là máng thông chuyển ơn và chúng ta có thể tin tưởng chạy đến sự cầu bầu của Mẹ.